

Số: /KH-UBND

*Bình Phước, ngày tháng năm 2023*

**KẾ HOẠCH**

**Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng  
cho người lao động năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc phê duyệt Đề án tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 61/TTr-SLĐTBXH ngày 29/3/2023,

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU**

### **1. Mục đích**

- Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đồng thời trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng thực hành theo yêu cầu của vị trí việc làm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng lao động và khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc có thể học lên trình độ cao hơn.

- Góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2025 theo Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tăng cường giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

### **2. Yêu cầu**

- Học viên sau khi học xong thực hiện được kỹ năng nghề đã được trang bị trong quá trình học.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xác định công tác dạy nghề là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới và đồng loạt triển khai thực hiện.

- Ưu tiên tuyển sinh đào tạo nghề để cung cấp lao động cho các doanh nghiệp có cam kết hoặc hợp đồng tuyển dụng lao động sau khi được đào tạo nghề.

### **3. Mục tiêu**

*a) Mục tiêu chung: phân đầu giai đoạn 2023-2025:*

- Đào tạo nghề cho 40.000 lao động trong đó:

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.500 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.000 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2.500 lao động.

+ Lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: 1.000 lao động.

+ Lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 và lao động khác: 34.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2025.

***b) Mục tiêu cụ thể:***

**Năm 2023:**

- Đào tạo nghề cho 16.000 lao động trong đó:

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 500 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 600 lao động.

+ Lao động hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: 200 lao động.

+ Lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 và lao động khác: 14.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%.

**Năm 2024:**

- Đào tạo nghề cho 14.300 lao động trong đó:

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 500 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 300 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1.100 lao động.

+ Lao động hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: 400 lao động.

+ Lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 và lao động khác: 12.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%.

### **Năm 2025:**

- Đào tạo nghề cho 9.700 lao động trong đó:

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 300 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 200 lao động.

+ Lao động theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 800 lao động.

+ Lao động hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: 400 lao động.

+ Lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 và lao động khác: 8.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách**

- Xây dựng, ban hành cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho người học gồm:

+ Quy định mức hỗ trợ chi phí đào tạo; mức hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại cho từng loại đối tượng.

+ Ban hành danh mục nghề đào tạo, cấp trình độ đào tạo.

+ Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo cho các tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

### **2. Tổ chức tuyển sinh và đào tạo**

- Khảo sát, thống kê nhu cầu học nghề của người lao động tại các xã, phường, thị trấn; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo tại doanh nghiệp. Trong đó, ưu tiên cho lao động là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm. Việc tuyển sinh đào tạo được thông báo, niêm yết tại xã, phường, thị trấn và tại các cơ sở GDNN.

- Tuyển sinh và tổ chức các lớp đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho lao động có nhu cầu đào tạo tại các cơ sở GDNN, doanh nghiệp (căn cứ vào đơn đăng ký học nghề của người lao động; văn bản đề nghị hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động đang làm việc tại đơn vị của doanh nghiệp nhỏ và vừa).

- Xây dựng phê duyệt chương trình đào tạo.
- Tổ chức các lớp đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động đồng thời tiếp tục nhân rộng các mô hình đào tạo có sự phối hợp giữa 3 bên: người lao động - cơ sở GDNN - đơn vị, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo.

### **3. Tuyên truyền, nâng cao năng lực đào tạo**

- Phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho người lao động.
- Triển khai tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên.
- Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác quản lý về GDNN; các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trong các cơ sở GDNN.

### **4. Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện**

- Tổ chức giám sát, kiểm tra quy trình bình xét các đối tượng được tham gia đào tạo và công tác đào tạo nghề theo nội dung kế hoạch đề ra.
- Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề.

## **III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC NGHỀ**

1. Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Lao động nông thôn theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm được hỗ trợ đào tạo nghề khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

5. Lao động thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng gồm: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

#### **IV. ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO**

Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh; ngoài ra còn các đơn vị, cơ sở GDNN khác: trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm GDNN, trung tâm GDNN - trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đại học của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ... trong và ngoài tỉnh có đủ điều kiện hoạt động GDNN, nếu có nhu cầu tham gia thì lập báo cáo về giáo viên, chương trình, thiết bị đào tạo nghề, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tham mưu UBND tỉnh.

Việc lựa chọn cơ sở đào tạo phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **V. MỨC HỖ TRỢ ĐÀO TẠO:**

##### **1. Mức hỗ trợ**

1.1. Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.

1.2. Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

1.3. Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

1.4. Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

1.5. Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hưởng mức chi phí đào tạo nghề sơ cấp và dưới 3 tháng theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

1.6. Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 của phần này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

## **2. Nội dung các khoản hỗ trợ chi phí đào tạo gồm:**

- Chi thù lao giáo viên, người dạy nghề tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.
- Thuê lớp học, thuê thiết bị đào tạo chuyên dung (nếu có).
- Phụ cấp lưu động cho giáo viên.
- Tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ, chứng nhận.
- Chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu học nghề.
- Hỗ trợ nguyên, nhiên vật liệu học nghề.
- Thuê phương tiện vận chuyển thiết bị đào tạo đối với trường hợp đào tạo lưu động.
- Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học.
- Chỉnh sửa, biên soạn chương trình, giáo trình (nếu có).
- Chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng số kinh phí cho lớp đào tạo.

(Các nội dung chi tại phần này thực hiện theo các quy định hiện hành).

## **VI. MỨC HỖ TRỢ TIỀN ĂN VÀ ĐI LẠI**

**1. Đối tượng được hỗ trợ:** Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

### **2. Mức hỗ trợ**

- a) Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học.
- b) Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

## **VII. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ**

- Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại Kế hoạch này. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại kế hoạch này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại kế hoạch này nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Một người đồng thời thuộc các đối tượng nêu mục 1.1;1.2;1.3;1.4 và 1.5 khoản 1 mục V chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

- Đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa của quy định này, cơ sở đào tạo chủ động xây dựng phương án huy động hỗ trợ của doanh nghiệp, đóng góp của người học và nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác để đảm bảo chi phí đào tạo.

## **VIII. NGUỒN KINH PHÍ**

- Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Từ nguồn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; lồng ghép với nguồn kinh phí chuyên môn đã được bố trí trong dự toán giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

- Nguồn thu học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức.

- Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định danh mục nghề đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cung cấp thông tin cho cấp huyện, cấp xã về các nghề đào tạo và hướng dẫn việc tuyên truyền, tư vấn cho lao động lựa chọn nghề học phù hợp.



- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổng hợp mức chi phí đào tạo cho từng nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thông báo công khai cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh về kế hoạch đào tạo cho lao động địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, đề xuất với UBND tỉnh bố trí biên chế chuyên trách theo dõi công tác đào tạo nghề cho Phòng Nội vụ/Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; giao đủ chỉ tiêu cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề cho Trung tâm GDNN- GDTX công lập thuộc địa phương.

- Thành lập tổ kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo nghề cho lao động của các cơ sở GDNN.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh đưa các chỉ tiêu về đào tạo trình độ sơ cấp nghề, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động vào kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh lồng ghép chỉ tiêu đào tạo nghề các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2023 và giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 Chương trình MTQG theo Luật Đầu tư công và các quy định liên quan khác.

**3. Sở Tài chính:** Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý theo phân cấp quản lý ngân sách, thực hiện thẩm định và quyết toán theo quy định.

## **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính xây dựng danh mục và định mức chi phí đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, đồng thời thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đầu mỗi tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình đào tạo nghề của các cơ sở GDNN, đồng thời báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình dạy nghề nông nghiệp của cơ sở qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp

báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng kinh tế thị xã, thành phố; các cơ sở dạy nghề về quản lý và tổ chức dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch đào tạo nghề được UBND tỉnh phê duyệt.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Phân bổ chỉ tiêu phân luồng theo Công văn số 559/UBND-KGVX ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mục tiêu phân luồng học sinh theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 31/7/2019; đồng thời phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS, THPT năm 2023 và giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025.

## **6. Ban Dân tộc tỉnh**

- Tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề của lao động là người dân tộc thiểu số, đồng thời phối hợp cùng các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm của lao động là người dân tộc thiểu số để kịp thời tham mưu thực hiện tốt kế hoạch này tạo điều kiện cho lao động dân tộc thiểu số được học nghề và giải quyết việc làm.

## **7. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông để cung cấp thông tin thị trường hàng hóa; xây dựng thương hiệu hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cho người lao động sau đào tạo.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, các trang thông tin điện tử (website), bản tin của cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề cho người lao động

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các đơn vị liên quan cung cấp thông tin về các cơ sở có đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động, các

nghề đào tạo, các mô hình dạy nghề gắn với việc làm hiệu quả tại địa phương trên các phương tiện truyền thông để người lao động biết và lựa chọn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí xuất bản liên quan đến thông tin tuyên truyền về công tác đào tạo nghề nghiệp cho lao động trên địa bàn tỉnh.

**9. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước:** Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động.

### **10. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh, các tổ chức đoàn thể phối hợp tham gia thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Chỉ đạo Ủy ban MTTQVN cấp huyện tuyên truyền, vận động lao động tham gia học nghề; tham gia giám sát các hoạt động của Kế hoạch này.

**11. Hội Nông dân tỉnh:** Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề.

**12. Tỉnh đoàn:** tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về GDNN, tạo việc làm cho lao động nông thôn theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng. Chỉ đạo đoàn thanh niên các cấp vận động thanh niên lao động tích cực tham gia học nghề.

**13. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:** Tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về GDNN, tạo việc làm cho người lao động. Vận động các hội viên tích cực tham gia học nghề; tham gia tổ chức đào tạo nghề.

**14. Liên đoàn Lao động tỉnh:** Tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về GDNN trong công nhân lao động; tham gia vào các hoạt động phù hợp của Kế hoạch. Chỉ đạo các đơn vị tích cực tham gia đào tạo nghề cho lao động.

### **15. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tùy tình hình thực tế địa phương, quan tâm bố trí 01 biên chế chuyên trách công tác GDNN ở Phòng Nội vụ/Lao động - Thương binh và Xã hội; giáo viên cơ hữu và 01 biên chế chuyên trách phụ trách công tác GDNN tại các Trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên cấp huyện để thực hiện hiệu quả mục tiêu phân luồng theo Công văn số 559/UBND-KGVX ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mục tiêu phân luồng học sinh theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 31/7/2019 triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025.

- Xác định danh mục, số lượng nghề cần đào tạo cho lao động nông thôn ở địa phương.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc huyện phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh thông tin về thị trường lao động, sàn giao dịch việc làm thông qua trang web <http://www.vieclambinhphuoc.vn> để người lao động biết và tham gia vào thị trường lao động.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ/Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các phòng ban liên quan và các cơ sở GDNN triển khai công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động.

- Chỉ đạo UBND các xã phường, thị trấn thống kê nhu cầu học nghề của người lao động; chịu trách nhiệm xác nhận vào đơn xin học nghề của người lao động; Thống kê báo cáo số lao động có việc làm và mức thu nhập liên quan với nghề đã học sau khi được đào tạo nghề.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ/Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Phòng nông nghiệp - PTNT thường xuyên kiểm tra, giám sát chương trình đào tạo của các cơ sở GDNN tại địa phương.

## **16. Các Cơ sở GDNN**

- Chủ động phối hợp với phòng, ban liên quan của UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề cho người lao động. Trong đó ưu tiên đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật, dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo, người có công với cách mạng . . .

- Phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn tuyên truyền cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề để người lao động tham gia; thống kê số lao động có việc làm và mức thu nhập sau khi học nghề.

- Báo cáo kết quả công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Yêu cầu các sở, ban ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch chủ động triển khai thực hiện đạt hiệu quả./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP, các Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-10).

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**